

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**ỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 1004/2017/DS-PT

Ngày: 08/11/2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quang

Các Thẩm phán: Ông Lưu Ngọc Thạch

Ông Trịnh Đắc Phú

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 11 năm 2017 và tuyên án ngày 08/11/2017 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 294/2017/DS-PT ngày 20 tháng 7 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 246/2017/DSST ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2192/2017/QĐ-PT ngày 05 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Hoàng T, sinh năm 1964

Nghị tại: 28/17B ấp X, xã Y, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm: 1977 (có mặt)

Địa chỉ: 51/5A ấp Z, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Huỳnh Lĩnh D, sinh năm 1980

Thường trú: 2/137 ấp N, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi ở hiện nay: 88/1 khu phố X, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Lĩnh D là bà Trương Thị Minh T.

Địa chỉ: số 6 T, Phường H, Thành Phố P, tỉnh Gia Lai

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Lê Thị T, sinh năm 1962

Địa chỉ: 51/5A ấp L, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện ủy quyền của bà Lê Thị T: Bà Nguyễn Thị Hồng T (Có mặt)

Địa chỉ: 51/5A ấp L, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

2/ Bà Nguyễn Thị Duy L, sinh năm 1981

Địa chỉ: 88/1 khu phố M, thị trấn HM, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Duy L là bà Trương Thị Minh T. (Có mặt)

Địa chỉ: 6 đường V, Phường L, Thành Phố P, tỉnh Gia Lai

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn Hoàng

Địa chỉ: 3/112D ấp X, xã T3, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa, nguyên đơn ông Lê Hoàng T do bà Nguyễn Thị Hồng T đại diện trình bày:

Vào thời điểm trước tháng 12 năm 2015, do có mối quan hệ anh em lối xóm thân thiết với nhau nên ông Lê Hoàng T có cho ông Huỳnh Lĩnh D vay số tiền 1.100.000.000 đồng để vợ chồng ông D sửa nhà và mua xe ô tô và kinh doanh, ông T không tính lãi suất đối với ông D, ông D không thể chấp tài sản gì cho ông T, ông D hẹn ông T khoảng vài tháng sau sẽ hoàn trả. Sau đó ông D gặp khó khăn không trả được nợ.

Đến ngày 05/12/2015 ông D có làm giấy hẹn nợ đối với ông Lê Hoàng T số tiền 1.100.000.000 đồng, ông D hẹn đến trước ngày 01/01/2016 sẽ trả nợ cho ông T nhưng rồi ông D lẩn tránh cố tình không trả nợ. Do đó ông Lê Hoàng T khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Lĩnh D và vợ ông D là bà Nguyễn Thị Duy L trả nợ cho ông T số tiền 1.100.000.000 đồng, yêu cầu trả lãi theo quy định pháp luật từ 01/01/2016 đến ngày xét xử. Theo ông T thì bà Duy Linh là vợ ông Huỳnh Lĩnh D có biết việc ông D vay nợ.

Tại biên bản lấy lời khai tại Tòa án ngày 16/12/2016, biên bản hòa giải không thành ngày 20/01/2017, biên bản ngày 23/02/2017, bà Huỳnh Phi V – đại diện ủy quyền cho bị đơn ông Huỳnh Lĩnh D trình bày:

Bà là chị của ông Huỳnh Lĩnh D. Bà đại diện cho ông D thừa nhận có vay của ông Lê Hoàng T số tiền 1.100.000.000 đồng từ thời điểm năm 2013 (ông D không nhớ rõ ngày tháng), ông T có tính lãi suất đối với ông D với mỗi tháng trả lãi 88.000.000 đồng, ông D có trả lãi đầy đủ cho ông T, tuy nhiên các lần trả lãi ông D không làm biên nhận. Đến ngày 05/12/2015 ông D ngưng trả lãi đến nay, ông D không thể chấp tài sản gì cho ông T, mục đích ông D vay nợ để làm gì thì bà không biết, ông D có làm giấy hẹn nợ đến trước ngày 01/01/2016 sẽ hoàn trả nợ cho ông T nhưng ông D bị bệnh nên đến nay chưa hoàn trả. Nay ông D đồng ý trả nợ cho ông T số tiền 1.100.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định nhưng xin trả dần trong thời hạn 01 năm cho đến hết số nợ trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T do bà Nguyễn Thị Hồng T đại diện trình bày:

Bà Lê Thị T là vợ ông T, số tiền ông T cho ông D vay thì bà Lê Thị T có biết. Nay ông T khởi kiện ông D thì bà thống nhất ý kiến như ông T trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Duy L trình bày:

Bà là vợ của ông Huỳnh Lĩnh D, bà chung sống với ông D từ năm 2009 có đăng ký kết hôn. Trước đây bà có biết ông Lê Hoàng T do ông T và ông D là anh em bạn lối xóm với nhau. Việc ông D vay của ông T số tiền 1.100.000.000 đồng thì bà không biết. Nay ông T khởi kiện yêu cầu bà cùng có trách nhiệm với ông D thanh toán số tiền trên thì bà không đồng ý.

Tại Bản án sơ thẩm số: 246/2017/DSST ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

* Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Hoàng T:

Buộc ông Huỳnh Lĩnh D và bà Nguyễn Thị Duy L có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Hoàng T số tiền vay vốn và lãi là 1.232.000.000 đồng. Thi hành khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông Huỳnh Lĩnh D không đồng ý thanh toán cho ông Lê Hoàng T số tiền 1.232.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Duy L không đồng ý cùng có trách nhiệm với ông Huỳnh Lĩnh D thanh toán cho ông Lê Hoàng T số tiền 1.232.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 21/6/2017 ông Huỳnh Lĩnh D, bà Nguyễn Thị Duy L kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện bị đơn ông Huỳnh Lĩnh D kháng cáo với yêu cầu hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, với các lý do:

+ Bị đơn không nhớ giấy hẹn nợ ngày 05/12/2015 được ký và lấn tay trong trường hợp nào, giấy nợ có hai trang tuy nhiên trang 01 không có chữ ký và lấn tay.

+ Về khoản tiền bị đơn mua xe Toyota biển kiểm soát 51F-080.71 là hoàn toàn tiền của gia đình bị đơn, bị đơn chỉ đứng tên giùm.

Đại diện người liên quan bà Nguyễn Thị Duy L trình bày: Kháng cáo với yêu cầu không đồng ý liên đới trả nợ với ông D với các lý do:

+ Bà là vợ của ông D, bà hoàn toàn không biết gì về khoản nợ giữa ông T với ông D.

+ Tiền mua chiếc xe nói trên là nguồn tiền khác, đó là tiền của mẹ bà L vay ngân hàng và chiếc đó được mua trả góp với ngân hàng.

+ Về tố tụng: Tôi là đồng sở hữu với chồng tôi là ông Huỳnh Lĩnh D nhưng khi Tòa án cấp sơ thẩm ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02 ngày 11/11/2016 xong không tổng đạt quyết định cho tôi là vi phạm nghiêm trọng đến quyền sở hữu hợp pháp của tôi.

Đại diện nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến hết quá trình xét xử phúc thẩm. Các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Đơn kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được thực hiện trong thời hạn luật định nên được chấp nhận về mặt hình thức.

Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn, theo hồ sơ vụ án thì bị đơn thừa nhận có nợ nguyên đơn số tiền là 1.100.000.000 đồng và thừa nhận có lấn tay trên giấy nợ, có người làm chứng và xác định đã đọc kỹ và ký tên, lấn tay nay lại cho rằng không nhớ số nợ và yêu cầu giám định lại là không có cơ sở chấp nhận.

Về khoản tiền mua xe bị đơn cho rằng hoàn toàn từ tiền của gia đình bị đơn chỉ đứng tên giùm nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bị đơn là người đứng tên mua xe, đăng ký xe nên Tòa án sơ thẩm tổng đạt Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cho bị đơn là đúng.

Ông D và bà L là vợ chồng hợp pháp, đang trong thời kỳ hôn nhân việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình buộc bà L phải liên đới trách nhiệm với ông D là đúng.

Việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật cần được duy trì đến khi giải quyết xong nợ nhưng không được phản ánh trong bản án sơ thẩm là có thiếu sót cần bổ sung thêm phần này vào bản án phúc thẩm.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 02 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và bà Nguyễn Thị Duy L sửa Bản án sơ thẩm để bổ sung phần áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời vào bản án phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Lĩnh D:

Tại các biên bản lấy lời khai tại Tòa án cấp sơ thẩm ngày 16/12/2016, biên bản hòa giải không thành ngày 20/01/2017, biên bản ngày 23/02/2017 của ông Huỳnh Lĩnh D do bà Huỳnh Phi V – đại diện theo ủy quyền đã thừa nhận ông D có vay ông Lê Hoàng T số tiền là 1.100.000.000 đồng và thừa nhận chữ ký, dấu lấn tay trong giấy hẹn nợ ngày 05/12/2015 là của ông D do ông Lê Hoàng T cung cấp cho Tòa án. Các biên bản lấy lời khai trên được Tòa án thu thập hợp lệ nên được coi là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 93, khoản 3 Điều 94 và khoản 5 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có hiệu lực từ ngày 01/7/2016. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của ông D phủ nhận những lời khai trên và cho rằng ông D không có khả năng nhận thức và làm chủ hành vi do bệnh động kinh, hoặc có khả năng ông D bị ép buộc ký tên lấn tay vào giấy hẹn nợ, nhưng không xuất trình được chứng cứ để chứng minh. Hơn nữa, giấy hẹn nợ ngày 05/12/2015 được viết trên 01 tờ giấy có hai mặt có ký tên và lấn tay ở mặt sau nên yêu cầu giám định lại của bên bị đơn là không có căn cứ để xem xét. Bên cạnh đó về số tiền nợ tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác nhận là có nợ mà không xác định được nợ bao nhiêu nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại cần phải y án phần này.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Lĩnh D bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Duy L về trách nhiệm liên đới thanh toán nợ cho ông Lê Hoàng T, Hội đồng xét xử nhận thấy: ông D là chủ chiếc xe Toyota Fortuner biển kiểm soát 51F 080.71 ông cho rằng mình chỉ đứng tên giùm nhưng không chứng minh được việc này. Còn phía bà L ban đầu cho rằng không biết vụ ông D vay nợ và mua xe, sau đó lại khai xe này là do vợ chồng bà mua để cho thuê lấy tiền sinh sống. Ông D và bà L là vợ chồng có đăng ký kết hôn, chiếc xe nói trên hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 27, Điều 30, Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình để buộc ông D, bà L cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho ông T là có căn cứ, việc này cũng phù hợp với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nên yêu cầu kháng cáo của ông D, bà L về phần này không được chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận thấy việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật nhưng không được đưa vào Bản án sơ thẩm, nên cần bổ sung phần này vào bản án phúc thẩm theo hướng tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2016/QĐ-BPKCTT ngày 11/11/2016 và Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2016/QĐ-BPBD ngày 11/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện H. Đề nghị này là có cơ sở nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên cho thấy kháng cáo của ông D, bà L là không có cơ sở cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Giữ nguyên án phí của bản án sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Lĩnh D chịu và bà Nguyễn Thị Duy L chịu.

Bởi các lẽ trên;

Áp dụng khoản 02 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Căn cứ Điều 129, 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, Điều 30, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27.02.2009 quy định về lệ phí, án phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Lĩnh D và bà Nguyễn Thị Duy L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 246/2017/DSST ngày 09/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

* Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Hoàng T:

Buộc ông Huỳnh Lĩnh D và bà Nguyễn Thị Duy L có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Hoàng T số tiền vay vốn và lãi là 1.232.000.000 (Một tỷ hai trăm ba mươi hai triệu) đồng. Thi hành khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông Huỳnh Lĩnh D không đồng ý thanh toán cho ông Lê Hoàng T số tiền 1.232.000.000 (Một tỷ hai trăm ba mươi hai triệu) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Duy L không đồng ý cùng có trách nhiệm với ông Huỳnh Lĩnh D thanh toán cho ông Lê Hoàng T số tiền 1.232.000.000 (Một tỷ hai trăm ba mươi hai triệu) đồng.

* Bổ sung: Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2016/QĐ-BPKCTT ngày 11/11/2016 và Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2016/QĐ-BPBD ngày 11/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện H để bảo đảm việc thi hành án.

* Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Lê Hoàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn ông Lê Hoàng T số tiền tạm ứng án phí 22.500.000 (Hai mươi hai triệu năm trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0008263 ngày 05/01/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Huỳnh Lĩnh D và bà Nguyễn Thị Duy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 48.960.000 (Bốn mươi tám triệu chín trăm sáu mươi ngàn) đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Huỳnh Lĩnh D phải chịu là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 32078 ngày 26/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Duy L phải chịu là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 32079 ngày 26/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện H;
- TAND huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu (T15).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Minh Quang